TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Tùng;

2. Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 686/TB-TA ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Công Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh K, chị Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/6/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Minh K trình bày:*

Anh K và chị Đ kết hôn vào ngày 07/01/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Anh và chị Đ đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Anh K và chị Đ có một người con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/6/2016 (hiện cháu T đang sống cùng chị Đ). Nếu ly hôn, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu T và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Công Đ trình bày:*

Điều kiện kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và thời gian sống ly thân giữa chị Đ và anh K đúng như anh K đã trình bày, nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị Đ thì chị đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đ và anh K có một người con chung đúng như anh K đã trình bày, nếu Tòa án cho ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/6/2016 hiện cháu T đang sống với chị Đ và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh K, chị Nguyễn Thị Công Đ yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K và chị Đ; về con chung: Các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị Công Đ.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/6/2016 cho chị Nguyễn Thị Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Minh K, chị Nguyễn Thị Công Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Nguyễn Minh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn chị Nguyễn Thị Công Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị Công Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị Đ đều thừa nhận cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và hai người đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị Đ đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa hai người yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K và chị Đ.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị Công Đ đều thừa nhận có một con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/6/2016. Anh K, chị Đ đều có nguyện vọng nuôi cháu T. Tuy nhiên, hiện cháu T mới hơn 36

tháng tuổi và kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T vẫn được chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện nay chị Đ đã có công việc ổn định; do đó, để đảm bảo và sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần của cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa chị Đ không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh K phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị Công Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/6/2016 cho chị Nguyễn Thị Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Minh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Minh K phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) anh K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011386 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/9/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy